

Chương XII.

PHẬT GIÁO PHÁT TRIỂN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.

Vào thế kỷ 17, người Việt bắt đầu sinh sống ở vùng Bà Rịa – Đồng Nai – Sài Gòn. Đến năm 1679, một số tướng sĩ nhà Minh và gia đình không chịu thần phục nhà Thanh khi quân Mãn Thanh chiếm Trung Quốc, đã bỏ xứ sang Đàng Trong xin thần phục Chúa Nguyễn, Chúa Hiền (Nguyễn Phước Tần) đã cho nhóm người nhà Minh đó đến sinh sống ở vùng Đồng Nai và Mỹ Tho.

- Tổng binh Trần Thượng Xuyên và tướng sĩ cùng gia đình đến lập cư ở đồng bằng Đồng Nai.
- Tổng binh Dương Ngạn Địch và Phó tướng Hoàng Tiến cùng nhóm tướng sĩ và gia đình đến lập cư ở Mỹ Tho, sau phát triển thành trấn Định Tường.

Vào khoảng thời gian trên, Tổng binh Mạc Cửu cùng một số người Minh cũng bỏ xứ sang sinh sống ở vùng Hà Tiên. Năm 1708, Tổng binh Mạc Cửu xin thần phục chúa Nguyễn Phước Châu và dâng đất Hà Tiên.

Từ đó, công cuộc khai khẩn làm ăn ở vùng đất mới được đẩy mạnh, vùng đồng bằng sông Cửu Long, ngày càng trù phú. Các tăng sĩ đi theo các nhóm di dân đó để an ủi tinh thần những người dân tha phương và hoằng dương Phật pháp, nhờ đó Phật giáo bắt đầu truyền bá và phát triển ở lưu vực sông Cửu Long.

Nổi tiếng ở đồng bằng sông Cửu Long thời đó là:

- Hòa thượng Hoàng Long ở Hà Tiên
- Hòa thượng Long Thiên ở chùa Hội Tôn
- Hòa thượng Tổ Trí – Khánh Hưng ở chùa Đức Lâm và chùa Hội Tôn.

Sau đó Phật Giáo phát triển rộng khắp miền Tây Nam Bộ.

I. HÒA THƯỢNG HOÀNG LONG (? – 1737) HOẰNG HÓA Ở TRẤN HÀ TIÊN.

Hòa thượng Hoàng Long quê ở Bình Định vân du vào Hà Tiên, đến núi ở phía bắc núi Vân Sơn 5 dặm lập chùa tu hành (sau gọi là núi Bạch Tháp). Cảnh chùa thanh tịnh, u tịch, thế núi quanh co, có cây cảnh đẹp.

Hòa thượng Hoàng Long vào hoằng hóa Hà Tiên vào thời Tổng binh Cửu Ngọc hầu Mạc Cửu (? – 1735). Cửu Ngọc hầu Mạc Cửu là một Phật tử thuận thành, có liên hệ với chùa Thập Tháp Di Đà ở Bình Định, có lẽ nhờ đó mà Hòa thượng Hoàng Long vào Hà Tiên Hoằng Dương Phật pháp.

Năm Bính Thìn (1736), Tông đức hầu Mạc Thiên Tứ lập Chiêu Anh các để mời các văn nhân tài hoa đến hội họp, xướng họa thơ. Hòa thượng Hoàng Long được mời vào Chiêu Anh Các.

Năm Đinh Tỵ (1737), Hòa thượng Hoàng Long viên tịch ở chùa trên núi, môn đệ lập tháp 7 tầng để táng hài cốt, tháp màu trắng, nên từ đó dân địa phương gọi núi đó là núi Bạch Tháp.

Trong sách Gi Định thành thông chí phần chép về núi sông ở trấn Hà Tiên, khi viết về núi Bạch Tháp, An Toàn hầu Trịnh Hoài Đức đã viết như sau:

“Ở phía Bắc Bạch Vân Sơn 5 dặm (núi Bạch Tháp) có thế núi quanh co, cây xanh tươi tốt, có thầy tăng ở Qui Nhơn (Bình Định) là Đại Hòa thượng Hoàng Long đến lập chùa ở đấy.

Đời vua Túc Tông Hiếu Minh Hoàng đế năm thứ 13 là năm Đinh Tỵ (1737), Hòa thượng mất, đồ đệ của ông xây tháp 7 tầng để trấn tà khí. Mỗi khi đến tiết Tam Nguyên (1) và Phật

Đản thì có con hạc đen đến châu, con vượn xanh dâng cúng quả, lưu luyện bồi hồi như có ý muốn tham thiền thính pháp, đáng gọi là nơi “Tĩnh độ tiêu dao vậy !” (3)

- (1) Tam nguyên: Thượng nguyên (rằm tháng giêng), Trung nguyên (rằm tháng 7) Hạ nguyên (rằm tháng 10).
- (2) Phật Đản: mừng 8 tháng 4 âm lịch.
- (3) Gia Định thành thông chí: bản dịch của Tu Trai Nguyễn Văn Tạo, quyển thượng, trang 104 – 105.

MỘT SỐ CHÙA AM Ở TRẤN HÀ TIÊN.

Trấn Hà tiên được sát nhập vào lãnh thổ Đàng Trong vào năm 1708, khi Mạc Cửu dâng đất này cho chúa Nguyễn Phước Châu. Phật Giáo cũng phát triển ở đây, nổi tiếng nhất là Hòa thượng Hoàng Long hoàng hóa ở núi Bạch Tháp.

Ngoài ra, một số tăng sĩ khác, chưa rõ hành trạng, cũng đã tu hành ở nhiều chùa am trên các núi non ở trấn Hà Tiên.

• CHÙA PHÙ DUNG.

Chùa Phù Dung ở phía Tây Nam núi Phù Dung, Núi Phù Dung cách phía Tây Bắc trấn Hà Tiên hơn một dặm. Chùa ở chân núi lại gần thị trấn nên thiền sự thanh tịnh. An toàn hầu Trịnh Hoài Đức viết trong sách Gia Định Thành Thông chí như sau: “Chùa Phù Dung ở phía Tân Nam chân núi, chuông mõ lao xao, tiếng kinh kệ lẫn tiếng ồn ào giữa chợ, rõ ra quang cảnh nửa tục nửa Tăng “

• CHÙA ĐỊA TẠNG.

Chùa Địa Tạng nằm trên núi Địa Tạng, ở phía Bắc trấn Hà Tiên, cách núi Phù Dung 5 dặm. Chùa Địa Tạng rất thanh tịnh và trang nghiêm, ai vào đến cổng chùa thì cảm thấy giảm bớt lòng phàm tục, thật là cảnh giới đưa đến đất Phật.

Đây là cảnh “Tiêu Tự Hiếu chung” (chuông sớm chùa Tiêu) trong mười cảnh đẹp Hà Tiên.

• CHÙA BẠCH VÂN TRÊN NÚI VÂN SƠN.

Chùa Bạch Vân trên núi Vân Sơn, cách phía Bắc núi Địa Tạng một dặm rưỡi. Chùa Bạch Vân có cảnh trí u tịch, nằm trong rừng trúc nên thơ, các ngôi thất của chư tăng nằm giữa cây hoa rậm rạp, trên đỉnh núi đá chênh vênh, sớm chiều khói mây phàng phất. Đây là cảnh “Thạch động thôn vân” (Động đá nuốt mây) trong 10 cảnh đẹp của trấn Hà Tiên.

• NI CÔ HỌ TỔNG VỚI VIỆN QUAN ÂM TRÊN ĐẢO ĐẠI KIM.

Ni cô họ Tống được gia đình lập am trên núi Đại Kim để tu hành (Xem chương: Các nữ Tăng ở Đàng Trong).

Đảo Đại Kim là cảnh “Kim dự lan đào” (Đảo kim ngăn sóng) trong 10 cảnh đẹp ở trấn Hà Tiên.

II. HÒA THƯỢNG LONG THIÊN VÀ CÁC THIÊN SƯ HOÀNG HÓA Ở CHÙA HỘI TÔN (TỈNH BẾN TRE).

Chùa Hội Tôn ở làng Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Từ bến phà Rạch Miễu đi theo đường đến huyện Bình Đại, nhưng chỉ đi bộ 5km, rẽ vào đường đất nhỏ phía bên trái đường, đi khoảng 500m là đến chùa Hội Tôn.

Chùa được Hòa thượng Long Thiên thành lập vào giữa thế kỷ 17, dưới triều chúa Võ Vương Nguyễn Phước Khoát (1738 – 1765) niên hiệu Cảnh hưng, đời vua Lê Hiến Tông (1)

- (1) Xem thêm sách Tỉnh Bến Tre của Huỳnh Minh.

Hòa thượng Long Thiên, tên tục là Đạt, quê ở núi đá, quận Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, tu học ở Núi Đá quê nhà.

Năm 1744, chúa Võ Vương muốn tổ chức lãnh thổ Đàng Trong thành một nước ngang hàng với Đàng Ngoài của Chúa Trịnh và vua Lê, nên cho cải tổ hành chính xã hội ở Đàng Trong. Chúa Võ Vương phát động phong trào di cư vào vùng đất mới ở miền Nam, vùng đất phì nhiêu và trù phú của lưu vực sông Cửu Long (Tiền Giang) và sông Đồng Nai.

Hòa thượng Long Thiên theo lớp dân di cư vào vùng đất thuộc huyện Bình Đại ở bên bờ sông Tiền, lập chùa Hội Tôn để hoằng dương Phật pháp, giáo hóa và phổ độ lớp dân di cư nghèo khổ phải xa quê hương đến vùng đất khách quê người xa lạ...

Sau một thời gian hoằng hóa, Hòa thượng Long Thiên đã lớn tuổi nên về thăm quê, nhưng bị bệnh và viên tịch ở chùa Núi Đá, đồ chúng làm lễ hỏa táng, thân xác của Hòa thượng bị thiêu hủy, nhưng còn lại ngón tay út được thờ ở chùa này.

Thay thế trụ trì chùa Hội Tôn là thiền sư Tổ Trí – Khánh Hưng. Sư Khánh Hưng thuộc phái thiền Lâm Tế, đời thứ 36, là đệ tử của Hòa Thượng Phật Tĩnh – Từ Nghiêm giáo hóa ở chùa Hưng Long, truyền thừa theo bài kệ của Tổ sư Đạo Mân – Mộc Trần: “Đạo Bốn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên...” Thiền sư Khánh Hưng tu học ở chùa Hưng Long, sau đó đến trụ trì chùa Đức Lâm ở thôn Phú Hội, tỉnh Định Tường (nay thuộc phường 3 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Sau khi Hòa thượng Long Thiên tịch, thiền sư Khánh Hưng về chùa Hội Tôn hoằng hóa.

Thiền sư Khánh Hưng trụ trì chùa Hội Tôn vào thời vua Gia Long (1802 – 1820). Sư đã đứng ra trùng tu lại chùa, tô tạo tượng Phật và pháp khí. Đại hồng chung hiện còn tại chùa được đúc vào năm Ất Sửu (1805) với sư chứng minh của sư. Trên chuông có khắc: Gia Long, Ất Sửu niên thập nhật nguyệt, kiến nhật chú cúng... Thập phương bốn đạo đồng chú đại hồng chung cúng.

Hội Tôn tự thượng Khánh hạ Hưng chứng minh.

Hòa thượng Tổ Trí – Khánh Hưng viên tịch vào ngày mùng 9 tháng 7 âm lịch (chưa rõ năm nào) và hiện chưa biết Hòa thượng Khánh Hưng tịch ở chùa Hội Tôn hay chùa Đức Lâm vì hai chùa này có nhiều tháp xưa nhưng bia đã mờ mất chữ không còn đọc được và vì cả hai chùa này đều có thờ long vị của Hòa thượng.

- Long vị ở chùa Hội Tôn ghi: “Lâm Tế chánh tông, Tam thập lục thế, Hội Tôn Đường thượng húy Tổ Trí, thượng Khánh hạ Hưng Hòa thượng giác linh. Thất nguyệt cửu nhật thị tịch”.
- Long vị ở chùa Đức Lâm cũng ghi: “Lâm Tế chánh tông, Tam thập lục thế, Đức Lâm Đường thượng, húy Tổ Trí, thượng Khánh hạ Hưng Đại lão Hòa thượng giác linh chi vị”.

Hòa thượng Khánh Hưng có nhiều đệ tử nổi danh như:

- Thiền sư Tiên Tịnh – Bảo Chất kế thế trụ trì chùa Hội Tôn.
- Thiền sư Bảo Thiên húy Tiên Kiến, Bảo Quang húy Tiên Tường, Ấn Tông húy Tiên Vân kế thế trụ trì chùa Đức Lâm.
- Thiền sư Từ Lâm húy Tiên Hiện trụ trì chùa Sắc Tứ Linh Thứu và chùa Bửu Lâm (tỉnh Tiền Giang), vua Minh Mạng mời tham dự đại trai đàn ở chùa Thiên Mục, tại kinh đô Phú Xuân (Huế) vào năm 1821 và được Bộ Lễ ban độ điệp sau khi sát hạch về Phật pháp, trong số hơn 500 vị, chỉ cấp có 50 độ điệp.

Hòa thượng Khánh Hưng có đệ tử và pháp tôn hoằng hóa khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ và còn truyền thừa cho đến ngày nay.

Kế thế trụ trì ở chùa Hội Tôn sau khi Hòa thượng Khánh Hưng viên tịch là:

- Thiền sư Bảo Chất húy Tiên Tịnh.
- Sau khi sư Bảo Chất, đệ tử là thiền sư Quảng Giáo húy Minh Chánh kế thế trụ trì.

- Kế thế thiền sư Quảng Giáo là Yết ma Tâm Định húy Như Ứng. Yết ma Tâm Định hoằng hóa ở chùa Hội Tôn vào thời vua Tự Đức (1847 – 1883). Chùa xây cất đã lâu ngày nên bị hư mục, vì vậy Hương chánh Nguyễn Quang Ninh, hợp cùng hương chức và tăng ni, bổn đạo của chùa trùng tu lại chùa dưới sự chỉ đạo và khuyến khích của Yết ma Tâm Định. Trên một cây kèo cũ của chùa có khắc các chữ sau:

“Thượng lương Giáp Thân niên, thập nhị nguyệt, thập tứ nhứt, Sửu thời, khuyến thủ Tâm Định Thiền sư.

Hương chánh Nguyễn quang Ninh (1) hiệp bổn thôn, hương chức, bổn đạo tăng ni, thiện nam tín nữ...”.

(1) Gia tộc của ông Nguyễn Quang Ninh hiện nay một số còn ở Mỹ Tho.

Như vậy là chùa Hội Tôn đã được trùng tu lại vào ngày 14 tháng 12 năm Giáp Thân, niên hiệu Tự Đức, tức cuối năm 1884 đầu năm 1885.

Năm Bính Tuất (1886) đời vua Đồng Khánh, Yết ma Tâm Định còn ra Kinh đô Huế để đúc một số tượng Phật và tượng Thập Điện Diêm Vương thỉnh về thờ ở chùa Hội Tôn với sự hỗ trợ về vật chất của Hương chánh Nguyễn Quang Ninh và Bổn đạo của chùa.

Yết ma Như Ứng – Tâm Định viên tịch tại chùa Hội Tôn, đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa.

Kế thế trụ trì chùa là sư đệ của Yết Ma Tâm Định, tức giáo thọ Chánh Hòa húy Như Niệm, đời 39 phái thiền Lâm Tế.

Sau khi Giáo thọ Chánh Hòa tịch thay thế trụ trì chùa là Thiền sư Chơn Tịnh húy Nguyên Thế.

Chùa Hội Tôn ngày xưa có khắc bản gỗ để in kinh, nên hiện nay còn một số bản gỗ. Chùa hiện còn một số cổ vật vào thế kỷ 19: Đại hồng chung (đúc năm 1805), tiểu hồng chung đúc vào ngày rằm tháng 4 năm Đinh Hợi (1887 - ?), các tượng Thập Điện Diêm Vương đúc ở Huế vào năm 1886, tám biển đề “Hội Tôn tự” (chữ Nho) tạo năm Nhâm Dần...

Chùa Hội Tôn xưa đã hư hoại theo thời gian, hiện nay được dân chúng địa phương xây cất mới bằng vật liệu nặng nhưng vẫn giữ được phần nào lối kiến trúc xưa.

Nhà hậu Tổ hiện thờ long vị các tổ sư phái thiền Lâm Tế, đời 35 và 35 như:

- Lâm Tế chánh tông, thập tam tứ thế, Di Đà đường thượng, húy Minh Giác, thượng Kỳ hạ Phương đại lão Hòa thượng Giác Linh.
- Lâm Tế chánh tông, thập tam tứ thế, Bửu Lâm Đường thượng, húy Minh Hải, thượng Tứ hạ Hàng Đại lão Hòa thượng linh vị.
- Lâm Tế chánh tông, thập tam ngũ thế, Hưng Long Đường thượng húy Phật Tĩnh, thượng Từ hạ Nghiêm, Đại lão hoà thượng linh vị.
- Lâm Tế chánh tông, thập tam ngũ thế, Thái Bình đường thượng, húy Thiệt Nha (?), thượng Thiện hạ Quả Hòa thượng linh vị.
- ...

Khuôn viên chùa ngày xưa rất rộng, hiện còn một số tháp của chư Tổ thời xưa, nhưng bia của các tháp này hầu hết đã bị mất hay chữ đã bị mờ không còn đọc được, chỉ có tháp có bia còn đọc được là tháp Yết ma Như Ứng – Tâm Định.

PHỔ HỆ TRUYỀN THỪA Ở CHÙA HỘI TÔN.

LÂM TẾ

Đời 35	Phật Tĩnh – Từ Nghiêm (Chùa Hưng Long)				
Đời 36	Tổ Trí – Khánh Hưng (Chùa Hội Tôn)				
Đời 37	Tiên Tinh	Tiên Thiện	Tiên Kiến	Tiên Tường	Tiên Vân
	Bảo Chất	Từ Lâm	Bảo Thiên	Bảo Quang	Ấn Tông
Đời 38	Minh Chánh – Quảng Giáo		Minh Đạt – Huyền Dương		
Đời 39	Như Ứng – Tâm Định		Như Lý – Thiên Trường.		
	...		”		

Hình:

- Chùa Sắc tứ Linh Thứu
- Chùa Vĩnh Tràng

III. THIÊN SƯ TIÊN HIỆN – TỪ LÂM (1780 – 1895)

HOÀNG HÓA Ở CHÙA SẮC TỨ LINH THỨU VÀ CHÙA BỬU LÂM.

Thiên sư Từ Lâm húy Tiên Hiện thuộc phái thiền Lâm Tế, đời thứ 37 tên tục là Phạm Văn U, sanh năm Canh Tý (1780) tại thôn Phú Hội, huyện Kiến Hòa, phủ Kiên An, tỉnh Định Tường (nay thuộc phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Thiên sư Từ Lâm qui y thọ giới với Hòa thượng Tổ Trí – Khánh Hưng, trụ trì chùa Đức Lâm ở quê nhà (thôn Phú Hội), có lẽ xuất gia từ nhỏ. Sau đó Hòa thượng Khánh Hưng qua trụ trì chùa Hội Tôn ở làng Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, thiên sư Từ Lâm cũng theo tu học với thầy.

Năm 1803, vào thời vua Gia Long mới lên ngôi, bà Nguyễn Thị Đạt phát tâm xây dựng chùa Bửu Lâm ở thôn Phú Hội sau khi hoàn thành bà thỉnh thiên sư Từ Lâm về trụ trì chùa này.

Thiên sư Từ Lâm là bậc tu hành chân chính, giới hạnh tinh nghiêm, sở học uyên bác, thông hiểu Tam tạng kinh điển nên sớm nổi danh ở miền Nam. Năm Minh Mạng thứ mười một (1830) vua cho lập đại trai đàn Chúc Hổ, mừng vua 40 tuổi và trai đàn Bạt Độ chiến sĩ trận vong và các vong hồn không nơi thờ tự, tại chùa Thiên Mục ở Kinh Đô Phú Xuân (Huế ngày nay). Vua cho triệu mời một số danh tăng ở các tỉnh trong nước về dự. Sau đại trai đàn hoàn mãn, vua sai bộ lễ mở cuộc sát hạch các tăng sĩ dự trai đàn đó để cấp giới đao và độ điệp, ban thưởng và đãi tiệc chay rồi cho về. Bộ Lễ chọn được 50 vị, trong đó có thiên sư Từ Lâm. Nhưng mãi cho đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), Bộ Lễ mới cấp Độ điệp này hiện còn được lưu giữ tại chùa Bửu Lâm. Năm 1841, vua Thiệu Trị cho đổi tên chùa “Sắc Tứ Long Tuyên tự” ở Xoài Hột, thành “Sắc Tứ Linh Thứu tự” và sau đó thiên sư Từ Lâm được cử về trụ trì chùa này.

Chùa Sắc tứ Linh Thứu lúc đầu là một am tranh nhỏ do mục đồng dựng lên ở Xoài Hột, sau đó Thiên sư Thiệt Thành – Nguyệt Hiện (1759 – 1815) mới xây dựng lớn thành chùa Long Tuyên. Trong thời gian Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh chống nhà Tây Sơn có lần bị thua, chạy trốn vào chùa Long Tuyên, được thiên sư Nguyệt Hiện giấu vào Đại hồng chung của chùa mới thoát nạn. Vì vậy năm Gia Long thứ 10 (1811), vua mới Sắc tứ cho chùa thành “Sắc tứ Long Tuyên tự”. Năm Thiệu Trị nguyên niên (năm 1841), vua cho đổi tên chùa là “Sắc tứ Linh Thứu tự” trong sách Đại Nam nhất Thống chí, mục Tự Quán, tỉnh Định Tường, viết về chùa Sắc tứ Linh Thứu như sau: “Ở địa phận xã Thạnh Phú, huyện Kiến Hưng, chùa này đã tối cổ mà có danh thắng. Năm Gia Long thứ 10 (1811), Ngự tứ tên chùa là Long Tuyên tự. Năm Thiệu Trị nguyên niên đổi lại tên chùa là “Linh Thứu tự”.

Hình: Chùa Bửu Lâm (Cái Bèo)

IV. CHÙA BỬU LÂM (CHÙA TỔ – CÁI BÈO)

Chùa Bửu Lâm còn được gọi là chùa Tổ ở rạch Cái Bèo, làng Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hiện chưa biết rõ chùa Bửu Lâm được xây dựng vào năm nào, có thể đây là ngôi chùa xưa nhất ở Cao Lãnh và vùng Đồng Tháp Mười. Theo long vị đang được thờ ở chùa, có hai long vị xưa nhất là:

- Tế thượng chánh tông, 33 thế, húy Tánh Nhẫn, thượng Thiện hạ Châu Đường thượng Giác Linh, Tổ sư nghệ tòa.

- Lâm Tế chánh tông, 34 thế, húy Hải Nguyên, thượng Thiện hạ ý Đại sư giác linh tọa vị

Phía trước chùa có tháp của Tổ Tánh Nhẫn – Thiện Châu mới được trùng tu lại. Qua tháp cổ này và long vị, có thể chùa Bửu Lâm do Tổ sư Tánh Nhẫn – Thiện Châu thành lập vào thế kỷ 18.

Khoảng cuối thế kỷ 19, thiền sư Minh Thông Hải Huệ về trụ trì và trùng tu lại chùa Bửu Lâm.

Thiền sư Minh Thông – Hải Huệ thuộc phái thiền Lâm Tế, đời 38 quê ở Lấp Vò (Sa Đéc), lên Đồng Nai tu học với Hòa thượng Tiên Bồn – Tịnh Căn ở chùa Đại Giác, trên Cù Lao Phố, nay là xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Thiền sư Minh Thông – Hải Huệ là pháp tôn của Hòa thượng Tổ Ấn – Mật Hoằng (1735 – 1835) nổi tiếng ở Đồng Nai, được vua Gia Long cử làm Tăng Cang chùa Thiên Mụ đầu tiên vào thời các vua nhà Nguyễn, sau đó về trụ trì chùa Quốc Ân ở Kinh đô Phú Xuân (Huế) hoàng hóa ở đây, nổi tiếng khắp nước thời đó.

Sau thời gian tu học ở chùa Đại Giác, thiền sư Hải Huệ được cử về trụ trì chùa Kim Cang ở Bình Thảo (Đồng Nai) chùa này đã được Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch thành lập vào cuối thế kỷ 17.

Năm 1893, thiền sư Hải Huệ về kế thế trụ trì chùa Đại Giác.

Năm 1896, thiền sư Minh Thông – Hải Huệ lại về Hoằng Dương phật pháp ở quê nhà. Thiền sư Hải Huệ vân du hoàng hóa rất nhiều chùa ở vùng Sa Đéc – Đồng Tháp Mười.

- Chùa Linh Thứu ở Lấp Vò (Sa Đéc)
- Chùa Hội Phước ở Lai Vung (Sa Đéc)
- Chùa Thiên Phước ở Hội An Đông (Sa Đéc)
- Chùa Hội Khánh (Cao Lãnh).
- Chùa Bửu Lâm ở Cái Bèo (Cao Lãnh)

- ...

Vào đầu thế kỷ 20 Hòa thượng Minh Thông – Hải Huệ về trụ trì tổ đình Bửu Lâm. Ngày 27 tháng 6 năm Nhâm Dần (1902) chứng minh cho việc chú tạo đại hồng chung chùa Bửu Lâm, trên chuông này có khắc: “Phong Nễn Tổng, Bình Hàng Trung xã, Bửu Lâm tự, Hải Huệ Đại lão Hòa thượng thiền tăng chứng minh. Nhâm Dần, lục nguyệt nhị thập thất nhật kết tạo hồng chung”.

Ngày mùng 4 tháng 8, năm 92 tuổi, Hòa thượng Minh Thông – Hải Huệ lên hỏa đàn tự thiêu cúng dường xác thân cho chư Phật ở chùa Bửu Lâm. Hỏa thiêu xong, còn xá lợi và một ngón tay, đồ chúng thỉnh nhập lập tháp thờ ở chùa Bửu Lâm và chùa Thiên Phước.

Bảo tháp được lập ở sân phía phải trước chùa Bửu Lâm, tháp lục giác cao ba tầng, đỉnh tháp là bầu hồ lô, tháp xây đơn giản nhưng mỹ thuật và cổ kính, bia tháp ghi: “Từ Lâm Tế chánh tông, 38 thế, húy Minh Thông – Hải Huệ giác linh – Thọ cửu thập linh nhị tuế, giới hạnh viên tu...”

Truyền thừa của thiền sư Minh Thông – Hải Huệ:

Lâm Tế

Đời 33	Nguyễn Thiều – Siêu Bạch.			
Đời 34	Thành Đăng – Nguyệt Ân (Minh Lương)			
Đời 35	Phật Ý – Linh Nhạc			
Đời 36	Tổ Ấn – Mật Hoàng			
Đời 37	Tiên Bản – Tịnh Căn			
Đời 38	Minh Thông – Hải Huệ			
Đời 39	Như Liên – Phổ Lý (1868 – 1948)		Như Giới – Châu Viên	
Đời 40	Hồng Liên	Hồng Trí	Hồng Phước	Hồng Thanh
	Quảng Trí	Đạo Nguyên	Chơn Châu	Thiện Tài
Đời 41	Nhật Hạnh		Nhật Quang	
	Thiện Khánh		Chơn Hỉ	
	Chùa Hội Khánh (Cao Lãnh)		Chùa Bửu Lâm (Cái Béo)	
	Chùa Thiên Phước (Sa Đéc)			

Sau khi Hòa thượng Hải Huệ hỏa thiêu, đệ tử là Như Liên – Phổ Lý kế thế trụ trì chùa Bửu Lâm.

Hòa thượng Phổ Lý sanh năm Mậu Thìn (1868) tịch tại chùa Bửu Lâm ngày mùng 7 tháng chạp năm Đinh Hợi (cuối năm 1947, đầu năm 1948) thọ 81 tuổi, đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa.

Hòa thượng Như Liên – Phổ Lý có nhiều đệ tử nổi danh ở miền Tây Nam Kỳ:

- Hồng Thanh – Thiện Tài và Hồng Phước – Chơn Châu kế thế trụ trì chùa Bửu Lâm (hai vị có tháp ở chùa Bửu Lâm)
- Hồng Liên – Quảng Trí hoằng hóa ở chùa Hội Khánh (Cao Lãnh).
- ...

Sau khi Yết Ma Hồng Phước – Chơn Châu tịch, đệ tử là Nhật Quang – Chơn Hỉ kế thế trụ trì chùa Bửu Lâm. Chùa Bửu Lâm xây dựng theo kiểu chữ “tam” như nhiều chùa xưa khác ở miền Nam, gồm ba dãy nhà ngang nối liền nhau. Chùa Bửu Lâm có nhiều câu đối, trong đó có tên chùa. Chùa được tu sửa nhiều lần, nhưng vẫn còn mang vẻ cổ kính trang nghiêm.

Ngay mặt tiền chùa, trên các cột có các cặp câu đối có tên chùa:

1. “Bửu cảnh chùng bô đề lưu truyền đạo pháp.
Lâm trung sanh ngọc thọ bốn xứ thanh bình.”
(Cảnh báu trong giống giác lưu truyền đạo pháp
Rừng thiêng sanh cây quý thanh thảo bốn phương)
2. “Bửu địa dững kim liên quốc dân an lạc
Lâm thiên khai bát nhã kế ngộ huyền cơ”
(Đất báu nổi sen vàng toàn dân an Khang hạnh phúc
Rừng thiêng nở hoa giác huyền cơ kế ngộ trọn nên).

Trong chánh điện có một số câu đối, trong đó đặc biệt nhất là cặp liễn chạm nổi hình bát tiên và tứ quý sơn son thếp vàng, trên có khắc câu đối sau:

“ Bửu điện trùng tân mộ cổ thần chung phổ hòa phạn đạo
Lâm thiên tu kiến triệu kinh tịch kệ lý thượng diệu môn.”

Nhà hậu tổ có thờ nhiều long vị của chư tổ nêu trên. Còn có long vị Tổ sư Tổ Ấn – Mật Hoàng và Hòa Thượng tiên Giác – Hải Tịnh và một số long vị khác đời 37 của Phái thiền Lâm Tế.

- Từ Lâm Tế chánh tông, 36 thế, húy Mật Hoàng, thượng Tổ hạ Ấn Đại lão Hòa thượng giác linh.
- Từ Lâm Tế chánh tông 37 thế, húy Tiên Giác, thượng Hải hạ Tịnh Đại lão hòa thượng giác linh.
- Từ Lâm Tế chánh tông 37 thế, húy Tiên Bản, thượng Từ hạ Tâm Đại lão Hòa thượng.
- Từ Lâm Tế chánh tông, 38 thế, húy Minh Chức, thượng Huệ hạ Thức giác linh tọa vị.

V. CHÙA BỬU HƯNG.

Chùa Bửu Hưng tục gọi là chùa Cả Cát, ở xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cách thị xã Sa Đéc khoảng 10km.

Từ Sa Đéc, theo quốc lộ 4 đi về hướng Bắc Vàm Cống, đi được hơn 8km, quẹo trái vào xã Hòa Long, theo đường đất hẹp quanh co ven rạch giữ vùng thôn quê, cây cảnh xanh tươi, gió mát, đi khoảng 2km qua nhiều cầu nhỏ là đến chùa Bửu Hưng.

Chùa nằm giữa khu vườn thanh tịnh, xen lẫn những bụi trúc xanh tươi, trước chùa là hồ sen và trước nữa là con rạch tươi mát chảy xuôi ngang chùa phía trên có cây cầu cây vong cung bắc ngang rạch, phong cảnh thật nên thơ.

Chùa được Đại sư Nguyễn Đăng thành lập vào thế kỷ 18, thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Hiện không biết quê quán và hành trạng của Đại sư Nguyễn Đăng, chỉ biết chút ít nhờ bài thơ ngũ ngôn cổ khắc trên vách ngôi mộ của Đại sư như sau:

Vạn lý kinh đô biệt
 Nhật ngộ đạo phi quân
 Thiệp thủy đăng sơn viễn
 Tâm ấn phục Huỳnh Mai.
 Ấn ảnh tùng trung khứ,
 Dạ nguyệt độc chinh nam.
 Lữ hành vô Phật địa,
 Thiếu thất tị thời Hồ.

Qua bài thơ trên, chúng ta biết là đại sư Nguyễn Đăng ở Kinh đô Phú Xuân, theo đường biển vào miền Nam, lập am ẩn tu trên vùng đất của Chân Lạp, sống một mình trong thất, quyết chí noi gương Lục Tổ Huệ Năng khôi phục thiền tông của Ngũ Tổ Hoàng Nhãn ở núi Huỳnh Mai. Hiện chưa biết Đại sư Nguyễn Đăng tịch ở đâu vào năm nào? Tài liệu ngày xưa của chùa chỉ ghi Đại sư Nguyễn Đăng là vị khai sơn chùa Bửu Hưng (theo lời của Hòa thượng Nguyễn Trường).

Sau khi Đại sư Nguyễn Đăng viên tịch, kế thế trụ trì là thiền sư Tịnh Châu có lẽ cùng tham học kinh Kim Cang theo gương Lục Tổ, ở nhà Tổ có tấm hoành khắc “Vô sở trụ tâm” (Muốn nhắc câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” trong kinh Kim Cang, nhiều vị Tổ ngộ đạo với câu kinh này như Lục Tổ Huệ Năng, vua Trần Thái Tông...)

Thiền sư Tịnh Châu, thuộc phái thiền Lâm Tế, đời 36, về chùa Hoàng hóa, thọ nhận thêm 10 đệ tử, chùa xưa nhỏ hẹp nên bên hướng Tây của chùa dựng ngôi thất để chu 10 đệ tử 773 ngụ, bên hướng Đông chùa đào một hồ nước để chứa nước dùng trong mùa nắng hạn. Chùa được lập nơi đồng hoang vắng nên có cộp vắn thường đến ao uống nước, lâu dần, hình như cộp biết nghe tiếng tụng kinh nên thường đến ao uống nước và nghe kinh. Vì vậy, ở nhà tổ có tấm hoành khắc bốn chữ “Tây Thập – Đông Hồ”. Chữ Hồ, trong câu này không khác “hồ” là ao mà khắc âm Hồ nghĩa là cộp. Bốn chữ này có nghĩa là: phía tây chùa có 10 đệ tử, còn bên hồ ở phía Đông có các đệ tử “cộp beo”

Trong thời Nguyễn Vương Nguyễn Phước Anh chống lại Tây Sơn ở Gia Định (Nam Bộ ngày nay), lúc đầu (1778 – 1789) quân ít thế cô nên Nguyễn Vương phải lẩn tránh nhiều nơi, ghé lánh nạn nhiều chùa, có lần Nguyễn Vương vào trú ẩn ở chùa Bửu Hưng trong thời chống Tây Sơn.

Sau khi Nguyễn Vương lên ngôi lấy hiệu là Gia Long (năm 1802) nội cung của vua (Thái hậu, Vương phi, Công chúa...) hầu hết là Phật tử sùng mộ, hết lòng hộ trì Phật pháp, chùa chiền được tu sửa, Phật pháp phục hưng trở lại khắp nước. Năm Gia Long thứ 2 (1803), vua Sắc tứ cho chùa Bửu Hưng trụ trì lúc đó là thiền sư Tiên Hiện – Từ Lâm.

Thiền sư Tiên Hiện – Từ Lâm (1780 – 1859) thuộc phái thiền Lâm Tế, đời 37 (là đệ tử của Hòa thượng Tổ trí – Khánh Hưng và là pháp tôn của thiền sư Thành Đạo – Kỳ Phương hay Minh Giác ở chùa Thập Tháp – Di Đà).

Thiền sư Từ Lâm tu hành chân chính, giới hạnh tinh nghiêm, sở học uyên bác, thông hiểu tam tạng kinh điển nên sớm nổi danh ở Gia Định (Nam bộ ngày nay). Sau đó thiền sư Từ Lâm về trụ trì chùa Bửu Lâm ở Mỹ Tho. Năm Minh Mạng thứ 11 (1830), thiền sư Từ Lâm được về dự trai đàn Chúc Hổ và trai đàn cầu siêu ở Kinh Đô Huế.

Sau các trai đàn đó, vua giao cho Bộ Lễ mở kỳ thi sát hạch chư tăng tham dự trai đàn chưa được cấp Độ Diệp để cấp giới đao và Độ Diệp. Trong số mấy trăm tăng sĩ, Bộ Lễ tuyển chọn được 50 vị, trong số đó có thiền sư Từ Lâm. Năm 1841, vua Thiệu Trị cho đổi tên chùa Sắc tứ Long Tuyền thành Sắc tứ Linh Thứu. Thiền sư Từ Lâm được cử về trụ trì chùa này. Thiền sư Từ Lâm đã trùng tu lại chùa Sắc tứ. Đến đầu niên hiệu Tự Đức (1848 – 1883), thiền sư Từ Lâm trở về trụ trì chùa Bửu Lâm (Mỹ Tho) cho đến khi viên tịch, vào giờ Tuất, ngày 19 tháng 5 năm Kỷ Mùi (1859). Đồ chúng lập tháp thờ trong vườn phía sau chùa.

Sau khi Thiền sư Từ Lâm rời chùa Bửu Hưng về chùa Bửu Lâm, sư đệ của từ lâm là thiền sư Tiên Tâm – Bảo Châu (Bửu Châu) từ chùa Đức Lâm (Mỹ Tho) về thay thế trụ trì chùa Bửu Hưng.

Thiền sư Tiên Tâm – Bảo Châu (1788 – 1879) trùng tu chùa Bửu Hưng vào năm Minh Mạng thứ 2 (1821) và hoằng hóa chùa này cho đến ngày viên tịch, đồ chúng lập tháp thờ trong vườn trúc bên hông chùa.

Kế thế trụ trì chùa Bửu Hưng là thiền sư Minh Phước – Tư Trung. Thiền sư Tư Trung là đệ tử của Hòa thượng Tiên Hiện – Từ Lâm. Sau một thời gian hoằng hóa ở chùa Bửu Hưng, thiền sư Tư Trung về trụ trì chùa Phước Hưng ở Sa Đéc cho đến ngày viên tịch, ngày 19 tháng 7 năm Giáp Thân (1884) đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa này.

Thay thế thiền sư Tư Trung trụ trì chùa Bửu Hưng là thiền sư Minh Tịnh – Bảo Thanh.

Thiền sư Minh Tịnh – Bảo Thanh là sư huynh của sư Minh Phước – Tư Trung, cũng là đệ tử Hòa thượng Tiên Hiện – Từ Lâm, sư họ Huỳnh sanh năm Nhâm Thìn (1832), sau thời gian tu học với Bốn sư, sư về trụ trì chùa Tổ đình Đức Lâm ở Mỹ Tho. Sau đó thiền sư Minh Tịnh – Bảo Thanh về trụ trì chùa Bửu Hưng cho đến ngày viên tịch, Mùng 8 tháng Chạp năm Kỷ Hợi (cuối năm 1899, đầu năm 1900) đồ chúng lập tháp thờ trong vườn trúc chùa Bửu Hưng.

Năm Canh Tý (1900), Yết ma Như Lý – Tâm Nguyên hiệu Thiên Trường kế thế trụ trì chùa Bửu Hưng.

Yết ma Thiên Trường tên tục là Hanh, nên thường được gọi là Yết ma Hanh, quê ở làng Điều Hòa (Định Tường), sanh năm Đinh Sửu (1877) xuất gia lúc 9 tuổi, theo bà ngoại đến tu học với Hòa thượng Thông Nam – Nhứt Bốn (húy Minh Giám) ở chùa Bửu Lâm (Mỹ Tho). Trong thời gian tu học ở chùa Bửu Lâm, chú tiểu Hanh còn được gửi qua tham học và hầu hạ Hòa thượng Minh Tịnh – Bảo Thanh ở chùa Bửu Hưng. Đến tuổi trưởng thành, chú tiểu Hanh qui y thọ giới với Hòa thượng Minh Giám – Nhứt Bốn ở chùa Bửu Lâm, được ban pháp danh là Như Lý – Tâm Nguyên.

Mùng 8 tháng chạp năm Kỷ Hợi (đầu năm 1900) Hòa thượng Minh Tịnh – Bảo Thanh viên tịch ở chùa Bửu Hưng, sư Thiên Trường kế thế trụ trì chùa Bửu Hưng. Đến ngày 21 tháng Giêng năm Canh Tý (1900), Hòa thượng Minh Giác – Nhứt Bồn lại viên tịch ở chùa Bửu Lâm (Mỹ Tho), sư Thiên Trường kế thế trụ trì chùa Bửu Lâm (Sư Thiên Trường lại phải kiêm luôn trụ trì 2 chùa Bửu Lâm và Bửu Hưng).

Năm Giáp Thìn (1904) chùa Bửu Lâm bị hư hoại nặng sau cơn bão lụt lớn, sư Thiên Trường phải lo trùng tu lại chùa này.

Năm Ất Ty (1905) Hòa thượng Minh Khiêm – Hoàng An giao chức trụ trì chùa Giác Lâm và Giác Viên ở Gia Định cho đệ tử, vân du về miền Tây Nam Kỳ để hoằng dương Phật pháp. Sư Thiên Trường đang trụ trì ở chùa Bửu Hưng, chùa Bửu Lâm không có sư trụ trì, ngoài ra vì lòng kính mộ tài đức của Hòa thượng Hoàng An nên sư Thiên Trường cầu pháp với Hòa thượng Hoàng An và thỉnh Hòa thượng Hoàng An dừng lại hoằng hóa ở chùa Bửu Lâm, sư Thiên Trường dựng am Viên Giác trong khuôn viên chùa Bửu Lâm để Hòa thượng Hoàng An làm Thiền thất, giáo hóa đồ chúng, phật tử ở vùng Bến Tre – Định Tường – Sa Đéc.

Hòa thượng Hoàng An ở đây hoằng hóa mấy năm, sau đó đến chùa Tây An ở núi Sam, Châu Đốc để hoằng dương chánh pháp ở vùng An Giang – Châu Đốc – Hà Tiên.

Năm Kỷ Dậu (1909) Yết ma Thiên Trường trùng tu lại chùa Bửu Hưng.

Năm Tân Hợi (1911) Yết Ma Thiên Trường khai trường Kỳ, mở khóa an cư kiết hạ cho tăng ni ở chùa Bửu Lâm.

Năm Quý Sửu (1913) Hòa thượng Minh Khiêm – Hoàng An về hoằng hóa ở am Viên Giác cho đến ngày viên tịch, ngày 24 tháng giêng năm Giáp Dần (1914) đệ tử của Hòa thượng ở chùa Giác Lâm và Giác Viên rước linh cữu của Hòa thượng về nhập tháp ở chùa Giác Lâm (Gia Định).

Có lẽ sau đó, Yết ma Thiên Trường về hoằng hóa ở chùa Bửu Lâm, giao chùa Bửu Hưng cho đệ tử trông coi. Trong phong trào chấn hưng Phật Giáo vào các thập niên 1920 – 1930, Yết ma Như Lý – Thiên Trường họp cùng các đệ tử của Hòa thượng Minh Khiêm – Hoàng An là giáo thọ Như Nhân – Từ Phong ở chùa Giác Hải (Gia Định) và Hòa thượng Như Hiến – Chí Thiên ở chùa Phi Lai (Châu Đốc) góp nhiều công đức trong việc hoằng dương chánh pháp ở miền Nam. Ngoài ra, các vị này cũng có góp vai trò quan trọng trong phong trào chống Pháp thời đó.

Năm 1945, quân Pháp tái chiếm Việt Nam, gây chiến tranh tàn phá khắp nơi. Ngày 3 tháng 2 năm 1947, hai chiếc máy bay của Pháp oanh tạc trong vùng đã phá sập nhà Tổ và làm hư hoại chùa. Mãi đến năm 1950, dân chúng làng mới trùng tu lại chùa và dựng lại nhà Tổ.

Năm Kỷ Dậu (1969) Yết ma Như Lý – Thiên Trường viên tịch ở chùa Bửu Lâm (Mỹ Tho) thọ 93 tuổi, đồ chúng lập tháp thờ trong vườn phía sau chùa.

Kế thế Yết Ma trụ trì chùa Bửu Hưng là:

- Chánh Viên.
- Thiên Truyền
- Chơn Hòa
- Phước Chí
- Quảng Minh – Giác Đạo
- Quảng Luận.

KIẾN TRÚC CHÙA BỬU HƯNG.

Chùa Bửu Hưng nằm bên bờ rạch, nước trong mát, tọa lạc giữa khu vườn cây cối và những khóm trúc xanh tươi.

Chùa khá rộng lớn, kiến trúc và trang trí mỹ thuật và còn giữ được nhiều di tích cổ. Chùa xây dựng theo kiểu chữ “tam” gồm 3 dãy nhà ngang 20m dài 50m: Tiền đường, chánh điện và nhà tổ.

Tiền đường và chánh điện nối liền nhau, rộng lớn với những hàng cột gỗ quý xưa rất chắc chắn. Chánh điện gồm ba gian rộng lớn, có ba tấm bao lam chạm rồng, phượng, hoa và chim (hoa điểu) rất mỹ thuật và công phu, nét chạm khắc tinh xảo và mỹ thuật không kém gì các bao lam ở các chùa cổ danh tiếng như Giác Lâm, Giác Viên, Hội Khánh... Giữa chánh điện nổi bật như là tượng Phật A Di Đà bằng gỗ rất lớn, cao 1,50m do triều đình nhà Nguyễn cúng cho chùa vào thế kỷ 19. Tấm hoành có khắc bốn chữ “Vạn thế trường hưng” nét chữ sắc xảo điêu luyện.

Cửa chánh điện ở phía sau, đối diện với nhà Tổ, gồm ba cửa lớn của ba gian nối liền nhau, mỗi cửa có bốn cánh chạm rồng rất mỹ thuật và công phu. Khung cửa chạm thành những đường hoa văn đơn giản nhưng rất đẹp.

Phía sau chánh điện là một sân lộ thiên hình chữ “khẩu” nối liền với nhà Tổ bằng hai hành lang hai bên. Nhà tổ bị máy bay Pháp bắn phá sập, chỉ mới được xây dựng lại đơn giản không còn bàn ghế trường kỷ và ván gỗ to rộng như xưa.

Chùa còn một số câu đối, cặp câu đối chạm khắc mỹ thuật và công phu như ở chánh điện với hai hàng chữ Nho có nét chữ tinh xảo.

“Ngọc chất giáng hoàng cung, phún thủy cứu long tề mộc dục.

Kim thân tu tuyết lĩnh, hàm hoa bách điểu cộng triều cung”

(Ngọc quý giáng cung vua, chín rồng phun nước cùng tắm rửa,

Thân vàng tu núi tuyết, trăm chim ngậm hoa thả về châu).

Trong vườn trúc ở cạnh chùa là khu tháp cổ, ở cửa vào khu tháp có cặp câu đối đặc sắc:

“Bật thảo điêu tàn do vị tử.

Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương”

(Cỏ bí đầu tàn nhưng chưa chết

Hoa đàm tuy rụng vẫn còn hương).

Khu tháp hiện có bốn tháp: tháp Tổ khai sơn (Đại sư Nguyễn Đăng) tháp Hòa thượng Tiên Tâm – Bảo Châu (Lâm Tế đời 37), Hòa thượng Minh Tịnh – Bảo Thanh (Lâm Tế đời 38) và Quảng Minh – Giác Đạo (Lâm Tế đời 41).

Trụ trì chùa Bửu Hưng hiện nay là Đại đức Thích Minh Trí còn trẻ, nhưng hiện nay đảm nhận hai chùa cổ xưa đang bị hư hoại và cách xa nhau là chùa Bửu Hưng và chùa Phước Lâm ở Cai Lậy (tỉnh Tiền Giang). Nhưng trong thời gian qua (1987 – 1991) trong tình trạng kinh tế khó khăn chung của đất nước, Đại đức Minh Trí đã ra công trùng tu chùa Phước Lâm, kang trang rộng lớn, kiến trúc đơn giản nhưng phong cảnh chùa thanh tịnh và nên thơ, mang nét đẹp thiên vị giữa chốn thôn quê bình dị. Đây là một công đức lớn của đại đức Minh Trí.

Đại đức Minh Trí đang chuẩn bị trùng tu chùa cổ Bửu Hưng đã bị chiến tranh và thời gian tàn phá. Hy vọng là đại đức sớm hoàn thành công trình này để khôi phục lại chùa Bửu Hưng cổ kính và mỹ thuật như xưa.

VI. CHÙA PHƯỚC HƯNG.

Chùa Phước Hưng ở xã Vĩnh Phước, trấn Vĩnh Thanh (sau là tỉnh Vĩnh Long rồi Sa Đéc) hiện nay ở số 75/5 đường Hùng Vương, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Chùa được dân chúng địa phương thành lập vào năm Mậu Tuất (1838) bốn đạo xin với Hòa thượng Tiên Thiện – Từ Lâm ở chùa Bửu Lâm và chùa Sắc tứ Linh Thứu (Định Tường) cử sư trụ

trì Hòa thượng Từ Lâm bổ xứ đệ tử là thiền sư Minh Phước – Tư Trung đến trụ trì chùa Phước Hưng.

Thiền sư Minh Phước – Tư Trung quê ở Sa Đéc, thuộc phái thiền Lâm Tế, đời 38 qui y Hòa thượng Tiên Thiên – Từ Lâm ở chùa Bửu Lâm, sau đó đến chùa Bửu Hưng tham học với sư thúc là Tiên Tâm – Bảo Châu, năm 1838, được thầy cử trụ trì chùa Phước Hưng.

Năm 1859, thiền sư Tư Trung lại cử sang trụ trì chùa Sắc tứ Linh Thứu (Định Tường). Năm 1879, Hòa thượng Bảo Châu viên tịch sư Tư Trung về kế thế trụ trì chùa Bửu Hưng. Ngày 19 tháng 7 năm Giáp Thân (1884) thiền sư Minh Phước – Tư Trung viên tịch, thọ trên 100 tuổi, đồ chúng lập tháp thờ trong vườn trúc ở chùa Bửu Hưng (Lai Vung – Sa Đéc).

Sau khi thiền sư Tư Trung sang hoàng hóa ở chùa Bửu Hưng, sư Minh Hương thay thế trụ trì chùa Phước Hưng. Năm Nhâm Ngọ (1882), sư Minh Hương trùng tu lại chùa Phước Hưng.

Năm Canh Dần (1890) sư Minh Hương viên tịch tại chùa Phước Hưng, đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa.

Kế thế trụ trì là giáo thọ Vạn Hiến.

Năm Đinh Mão (1927), giáo thọ Vạn Hiến cùng pháp sư Ngô Đạo – Từ Vân ở chùa Tân Long (Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc đã khắc bản gỗ in lại (trùng khắc) bộ sách Sa di luật nghi yếu lược tặng chú, bản gỗ được tàng trữ ở chùa Tân Long.

Giáo thọ Vạn Hiến còn khắc in lại các kinh Kim Cang, Địa Tạng, Phẩm Phổ Môn (Kinh Pháp Hoa).

Năm 1930, giáo thọ Vạn Hiến viên tịch, đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa Phước Hưng.

Kế thế trụ trì tiếp theo là Hồng Bích – Vĩnh Tràng, Phái thiền Lâm Tế, đời 40. Sư Hồng Bích – Vĩnh Tràng là đệ tử Hòa thượng Như Tín – Khánh Thông. Hòa thượng Như Tín – Khánh Thông là đệ tử của Tổ sư Minh Lương – Chánh Tâm ở chùa Kim Cang (Tỉnh Long An) và là sư huynh của Hòa thượng Như Trí – Khánh hòa ở chùa Tiên Linh (tỉnh Bến Tre).

Sư Hồng Bích – Vĩnh Tràng sanh năm Tân Tỵ (1881), viên tịch tại chùa Phước Hưng ngày 19 tháng năm Quý Mão (1963), đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa.

Sau khi sư Hồng Bích – Vĩnh Tràng viên tịch, sư đệ là Hồng Hạnh – Vĩnh Đạt lên thay thế trụ trì chùa Phước Hưng.

Năm 1966 – 1969, Hòa thượng Vĩnh Đạt trùng hưng chùa Phước Hưng, để kỷ niệm công trình này, Hòa thượng có khắc câu đối trong chùa:

“Vĩnh Bảo Thiên Gia Hưng vạn đại
Đạt thành trụ sở Phước thiên thu”

Ngày 15 tháng 9 năm Đinh Mão (1987), Hòa thượng Hồng Hạnh – Vĩnh Đạt viên tịch, thọ 75 tuổi (sanh năm Quý Sửu 1913) đồ chúng lập tháp thờ trong vườn chùa.

Kế thế trụ trì là Hòa thượng Nhựt Chiếu – Thiện Huệ.

Chùa Phước Hưng kiến trúc theo kiểu chữ “khẩu” như các chùa xưa được xây dựng vào đầu thời nhà Nguyễn, (vào thế kỷ 19) như nhiều chùa khác ở Huế.

Chánh điện là một tòa nhà ba gian hai chái rộng lớn, bề ngang gần 20m, sâu vào 14m, với hai tầng mái, lợp ngói ống tròn, trên nóc trang trí “Lưỡng long chầu nguyệt” (hai con rồng chầu mặt trăng). Chánh điện được xây bằng gạch, tô xi măng, các cột và hai vòng tròn ở hai chái chạm khắc hoa văn đơn giản, nhưng mỹ thuật. Hai cột hai bên cửa ra vào có câu đối mang tên chùa.

“Phước chúng bồ đề địa.

Hưng bồi bát nhã môn”

Chánh điện trang trí còn đơn giản, các câu đối khắc luôn trên các cột.

Năm 1849, chùa Minh Hương ở Sa Đéc gởi cho chùa Phước Hưng tượng Quan Thánh Đế Quân, hiện còn thờ trong chánh điện.

Nhà hậu tổ cách chánh điện một sân lộ thiên, nhà tổ là tòa nhà vuông cạnh 14m. Bàn thờ Tổ thờ long vị: Minh Phước – Tư Trung, Minh Thông – Hải Huệ, Minh Lý – Đạt Pháp (Lâm Tế, đời 38), Như Bích – Phổ Lý, Như Diệu – Quảng Đức (Lâm Tế đời 39), Hồng Bích – Vĩnh Tràng, Hồng Hạnh – Vĩnh Đạt (Lâm Tế đời 40), Nhựt Chơn – Thiện Trí (Lâm Tế đời 41) nhà Tổ có cặp câu đối.

“Quốc gia hữu vinh sơn hà cố
Phật đạo vô cùng nhựt nguyệt trường”

Hai bên Đông lang và Tây lang là nhà khách và nhà giảng.

Chùa Phước Hưng hiện nay vẫn giữ được nét cổ kính trang nghiêm mặc dầu tọa lạc trung tâm thị xã Sa Đéc đông đúc hưng thịnh.

Cạnh chùa Phước Hưng còn có chùa Bửu Quang mới được xây cất sau này, hiện là trụ sở của Tỉnh giáo hội Đồng Tháp.

Hình:

- Chùa Phước Hưng (Đồng Tháp)
- Chùa Phước Lâm (Tỉnh Tiền Giang)

VII. CHÙA PHƯỚC LÂM.

Chùa Phước Lâm ở xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang. Từ Sài Gòn xuống Cai Lậy, theo quốc lộ 4, qua khỏi Cai Lậy khoảng 7km đến đầu cầu Phú Nhuận, quẹo mặt vào đường đá đỏ vào hơn 1km, qua khỏi cầu Rạch Cả Rắn, quẹo phải đi theo bờ rạch, vào khoảng 500m là đến chùa Phước Lâm.

Chùa Phước Lâm được thành lập vào khoảng hậu bán thế kỷ 18, lúc đó thuộc dinh Long Hồ (dinh nay được lập vào năm 1732, trụ sở được đặt tại Cái Bé) chùa bị hư hoại sau thời chiến tranh.

Hiện chưa biết rõ vị tổ sư nào khai sơn chùa Phước Lâm vì không còn tài liệu, chùa hiện còn thờ một số long vị của chư Tổ thuộc truyền thừa theo bài kệ truyền pháp của Tổ sư Liễu Quán (Thiệt Tế Đại Đạo...)

- Từ Lâm Tế chánh tông, 35 thế, húy Thiệt Thoại, thượng Tánh hạ Minh Đại lão Hòa thượng giác linh.
- Từ Lâm Tế chánh tông, 36 thế, húy Tế Hiến, thượng Bửu hạ Dương, Đại lão Hòa thượng giác linh.
- Từ Lâm Tế chánh tông, 37 thế, húy Đại Quang, thượng Chí hạ Thành Đại lão Hòa thượng Tổ sư giác linh
- Tế thượng chánh tông, 38 thế, húy Đạo Trung, thượng Thiện hạ Hiếu, Đại Lão Hòa thượng Tổ sư giác linh.
- Tế thượng chánh tông, 39 thế, Húy Tánh Châu, thượng Đức hạ Triêm Đại Lão Hòa thượng Tổ sư giác linh.
- Tế thượng chánh tông, 40 thế, húy Hải Cảm, thượng Chánh hạ Dũng Đại Lão Hòa thượng Tổ sư giác linh.
- Tế thượng chánh tông, 41 thế, húy Thanh Lợi, thượng Minh hạ Đức Đại Lão Hòa thượng Tổ sư giác linh.

- Phước Lâm Đường thượng, từ Lâm Tế thượng chánh tông, 42 thế, húy Trùng Trữ, thượng quảng hạ Huệ, Hòa thượng giác linh.
- Phước Lâm Đường thượng, Từ Lâm Tế thượng chánh tông, 39 thế, húy Như Qui, thượng Khánh hạ Huy, Hòa thượng bốn sư giác linh miêu tọa
- Phước Lâm Đường thượng, từ Lâm Tế thượng chánh tông, 42 thế, húy Trùng Đắc, thượng Tịnh hạ Biên Hòa thượng giác linh.

Ngoài ra còn có các long vị của chư tổ sau:

- Giác Lâm Đường thượng, Từ Lâm Tế Gia Phổ, 37 thế, thượng Hải hạ Tịnh, húy Tiên Giác Đại lão Tổ Hòa thượng linh tọa.
- Từ Lâm Tế chánh tông, 40 thế, húy Hải Lương, thượng Chánh hạ Tâm, Đại lão Hòa thượng tổ sư giác linh.

Lịch sử truyền thừa của chùa Phước Lâm chỉ được ghi chép từ thời Hòa thượng Trùng Trữ hay Minh Trữ, hiệu Quảng Huệ trở về sau.

Hòa thượng Minh Trữ hay Trùng Trữ hiệu Quảng Huệ (1829 – 1887)

Hòa thượng Trùng Trữ – Quảng Huệ tên là Tô Ngọc Trữ, quê ở làng Bình Phú, huyện Cai Lậy, xuất gia từ nhỏ, theo học với Hòa thượng Thanh Lợi – Minh Đức (Phái Lâm Tế, đời 41), truyền theo bài kệ của Tổ sư Liễu Quán) ở chùa Phước Lâm.

Vào giữa thế kỷ 19, khi Kinh lược sứ Trương Minh Giảng và Kinh lược phó sứ Phan Thanh Giản vào miền Nam lo việc khai hoang lập ấp vùng đồng bằng miền Tây và vùng biên giới Việt Miên (Campuchia). Hòa thượng Tiên Giác – Hải Tịnh (hay Tăng cang Tế Giác – Quảng Châu) là một cao tăng tài đức đã được hai vị này thỉnh cầu giúp sức để hoằng hóa ở vùng đất mới này để an ủi và an định nhân tâm trong lớp người di cư, rời xa quê hương đến vùng đất lạ. Nhân dịp đó, Hòa thượng Tiên Giác – Hải Tịnh đã đến trụ trì chùa Tây An ở núi Sam (Châu Đốc tỉnh An Giang) và vân du hoằng dương chánh pháp ở vùng đồng bằng miền Tây, nhiều sư trụ trì ở các chùa địa phương đều quý trọng và kính mộ tài đức của Hòa thượng Hải Tịnh nên đều cầu pháp với Hòa thượng.

Sư Quảng Huệ cũng xin cầu pháp với Hòa thượng Tiên Giác – Hải Tịnh (phái Lâm Tế, đời 37, truyền thừa theo bài kệ của Tổ sư Đạo Mân – Mộc Trần: Đạo Bản Nguyên Thanh Phật Tổ Tiên...) nên được ban pháp danh là “Minh Trữ”, vẫn lấy hiệu là Quảng Huệ như cũ, Sau thời gian hoằng hóa ở chùa Phước Lâm, sư Quảng Huệ trở về quê nhà trụ trì chùa Hoàng Long ở Giồng Tre, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy.

Từ năm 1859 đến năm 1867, quân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ, triều đình Huế phải giao Lục Tỉnh Nam Kỳ cho Pháp làm thuộc địa quân dân miền Nam nổi lên kháng chiến chống Pháp khắp nơi. Trong thời chiến tranh đó, ở miền Tây Nam Kỳ lại xảy ra bệnh dịch dân chúng địa phương bị bệnh chết rất nhiều. Người ta đồn rằng Hòa thượng Quảng Huệ dùng nước lạnh và lá Bồ Đề chú nguyện phân phát cho bá tánh dùng để trị bệnh, dân địa phương thoát khỏi bệnh, dân chúng càng kính phục Hòa thượng Quảng Huệ.

Tổmh đốc Tần Bá Lộc (1839 – 1899) là tay sai của chính quyền Pháp trấn đóng ở Cái Bè, nghe Hòa thượng Minh Trữ – Quảng Huệ có danh tiếng ở địa phương nên tìm cách mua chuộc. Là bậc chân tu, không muốn dính dấp với giới quyền thế, hơn nữa là tay sai của thực dân Pháp. Nên Hòa thượng Quảng Huệ phải rời bỏ chùa Phước Lâm, vào tận vùng rừng rậm ở ngọn Chà Là, thuộc xã Mỹ Phú (nay là xã Thạnh Phú: Mỹ Thạnh, Mỹ Phú) lập am tranh Phước Hội để ẩn tu.

Vùng đất ở ngọn Chà Là lúc đó còn là rừng rậm, cây cối, cỏ lau rậm rạp, có nhiều thú rừng sanh sống. Theo lời truyền: Mỗi chiều mưa nắng, Hòa thượng Quảng Huệ đều sai đệ tử xuống ao gánh nước đổ đầy chậu diệm để đêm đến nai, mễn, thỏ... đến uống.

Mỗi buổi sáng, Hòa thượng đi kinh hành và tản bộ quanh am, chim chóc (sáo, cường, nhông, sẻ...) bay nhảy phía sau hoặc bao quanh Hòa thượng. Chim chóc cũng đến làm tổ trên các ngọn cây xung quanh am.

Khi biết căn duyên hóa độ sắp dứt, Hòa thượng Quảng Huệ cùng đệ tử trở về chùa Phước Lâm, nơi đầu tiên đến học đạo và hoằng dương chánh pháp. Hòa thượng Minh Trữ hay Trường Trữ – Quảng Huệ viên tịch vào ngày 17 tháng 9 năm Đinh Hợi (1887), đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa.

Hòa thượng Quảng Huệ có nhiều đệ tử nổi danh ở miền Tây Nam Kỳ là

- Tâm Niệm – Tấn Thành, kế thế trụ trì chùa Phước Lâm.
- Tâm Bờ – Phước Chí hoằng hóa ở chùa Khánh Quới, biết rõ ngày giờ viên tịch và để lại di chúc, cho biết trước là sau khi tịch, đem hỏa thiêu sẽ để lại ngón tay áp út để thờ ở chùa.

Các chùa ở Cai Lậy, cái bè hầu hết đều thuộc đệ tử của Hòa thượng Quảng Huệ: Chùa Hội Phước, Linh Phước Phật Đà, Hoàng Long (Bến Lợi), Hoàng Long (Giồng Tre), Thiên Lâm.

Hòa thượng Như Qui – Khánh Huy (hay Tâm Qui)

Hòa thượng Như Qui – Khánh Huy hay Tâm Qui họ Lê, quê ở làng Tân Bình, huyện Cai Lậy, qui y thọ giáo với. Năm 10, qui y với Hòa thượng ở chùa Phước Lâm (Cai Lậy) chí tâm công phu tu hành, giới luật nghiêm minh. Lớn lên đến cầu pháp với Hòa thượng Minh Lương – Chánh Tâm, hay Hải Lương ở chùa Kim Cang (Thủ Thừa – Long An) nên được ban pháp danh là Như Qui hiệu Khánh Huy. Sau đó sư Khánh Huy về trụ trì chùa Phước Lâm.

Năm Quý Hợi (1923), Hòa thượng Khánh Huy mở trường Hương ở chùa Phước Lâm.

Hòa thượng lấy ngày kỵ Tổ Minh Trữ – Quảng Huệ vào ngày 17 tháng 9 hàng năm làm lễ chúc thọ, giới đàn.

Năm 1932, Hòa thượng Khánh Huy dự định trùng tu lại chùa Phước Lâm rực rỡ trang nghiêm và rộng lớn hàng trăm cột to theo như mẫu kiến trúc của chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho). Hòa thượng vào thất tu trì thiền định và cầu nguyện cho Phật sự được viên thành nên xây một ngôi thất trong khuôn viên chùa. Nhưng sau khi nhập thất, Hòa thượng Khánh Huy nhờ thiền định, biết là mình không còn trụ thế bao lâu nữa, không thể trùng tu chùa theo như ý định, Hòa thượng tu trì ở trong thất luôn cho đến ngày viên tịch là ngày 12 tháng 10 năm Giáp Tuất (1934). Theo lời bổn đạo ở địa phương cho biết khi Hòa thượng Như Qui – Khánh Huy viên tịch, ánh sáng tỏa sáng và có mùi hương tỏa ra từ thiền thất, trên trời mây ngũ sắc (năm màu) cuộn quanh trên nóc chùa.

Sau khi Hòa thượng Khánh Huy viên tịch đệ tử của Hòa thượng kế thế trụ trì chùa Phước Lâm.

Nguyên Tứ – Tịnh Tứ.

Trong những năm chiến tranh, chùa Phước Lâm bị bom đạn tàn phá hư sập.

Sau năm 1975, một bà lão mới xuất gia về chùa Phước Lâm đổ nát tu sửa tạm, nhang khói cho Phật và tu niệm trong lúc tuổi già.

Năm 1986, bà lão mất, đệ tử của bà là sư cô Diệu Trí tiếp tục trông nom chùa.

Năm 1987, theo lời thỉnh cầu của ban hộ trì chùa Phước Lâm, ban trị sự tỉnh hội Phật Giáo tỉnh Tiền Giang bổ nhiệm Đại đức Thích Minh Trí về trụ trì chùa này. Ngay khi về chùa, đại đức Minh Trí đã ra công khai hoang phục hóa vườn chùa, dọn dẹp vườn chùa sạch sẽ, khan trang và trồng cây cảnh.

Năm 1988, đại đức lo xây dựng lại chánh điện, đúc tượng Phật.

Năm sau xây cất nhà Tổ và nhà giảng, trong năm đó, khai an cư kiết hạ tại chùa Phước Lâm.

Ngày nay (1992) chùa Phước Lâm có cảnh trí rộng lớn, trang nghiêm và xanh tươi là nhờ sự tận tâm tận lực của đại đức Thích Minh Trí cùng sự hỗ trợ tích cực của bổn đạo khắp nơi.

Sau khi hoàn tất việc trùng tu chùa Phước Lâm, Đại đức tiếp tục lo đại trùng tu chùa Bửu Hưng ở Lai Vung (tỉnh Đồng Tháp). Chùa Bửu Hưng là một ngôi chùa cổ xưa rộng lớn hơn chùa Phước Lâm, nhưng cũng chịu cảnh suy tàn do chiến tranh và thời gian tàn phá. Vì vậy việc trùng tu chùa này là một công trình lớn lao cực nhọc hơn việc xây dựng lại chùa Phước Lâm. Cầu xin chư Phật, Long thần hộ pháp hỗ trợ cho Đại đức Thích Minh Trí cùng bốn đạo sớm hoàn thành viên mãn việc Phật sự quý báu và lớn lao này.

VIII. CHÙA BỬU HƯNG.

Chùa Bửu Lâm ở thôn Phú Hội, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Chùa Bửu Lâm do bà Nguyễn Thị Đạt xây dựng vào năm Gia Long thứ 2 (1803) bà sang chùa Hội Tôn ở làng Quới Sơn, huyện Bình Đại (tỉnh Bến Tre ngày nay) xin Hòa thượng Tổ Trí – Khánh Hưng bổ sư trụ trì, Hòa thượng Khánh Hưng cử đệ tử là thiền sư Tiên Hi65n – Từ Lâm về trụ trì chùa Bửu Lâm.

Chùa Bửu Lâm cất theo kiểu chữ “Tam” giống như hầu hết các chùa ở miền Nam (và giống các chùa xưa vào đời nhà Trần ở miền Bắc) chùa gồm ba dãy nhà ngang nối liền nhau, bề ngang gồm 5 gian hai chái rộng 12m sâu vào 40m.

1. Tiền đường là một căn nhà rộng 22m sâu vào 5m, thờ Hộ Pháp.
2. Chánh điện là một tòa nhà rộng 22m, sâu vào 15m. Ở giữa là điện thờ Phật, trên các cột gỗ quý và xưa đều có treo câu đối. Ngoài các câu đối của chùa từ xưa, còn có một số câu đối của các chùa khác được thỉnh về hầu hết là những câu đối mang ý nghĩa thâm sâu của Phật pháp.

Trong đó có ba cặp câu đối có nhắc đến tên chùa Bửu Lâm ba lần.

- “Bửu điện linh lung Bửu đàn thanh tịnh, Bửu sát trang nghiêm như Thụ Lân Lâm hoa hương phức lâm mộc uất mậu, Lâm tùng thành tựu tự kỳ viên”
Một số câu đối khác;
- “Phật pháp trường hưng đản nguyện quốc vương thù vạn cổ
Đạo trường vĩnh thịnh ngưỡng kỳ đàn việt hưởng thiên thu”
Hay:
- “Phật nhật tam huy giáo trang nghiêm phổ lợi vĩnh thù vạn cổ.
Pháp vân hội chuyển như tâm thành thanh tịnh quang minh biến chiếu thập phương”
Hoặc:
- “Ngọc giáng hoàng cung phú thủy, cửu long tề mộc dục.
Kim thân tu tuyết lãnh hàm hoa bách điệu cộng triều tham”

Chánh điện có những bao lam chạm trổ rồng và thất chân nhân quả (bảy vị chân nhân) nét chạm khắc mỹ thuật.

3. Nhà Hậu tổ rộng 22m, sâu vào 10m. Đặc biệt nhà Hậu tổ có nóc cao hơn chánh điện gồm hai tầng mái chồng lên nhau như nhiều chùa cổ khác. Nhà hậu tổ nối liền với chánh điện bằng hai dãy hành lang rộng 6m, dài 8m, tạo nên một sân lộ thiên hình chữ “Khẩu” (mang ý nghĩa “Thiền tỉnh” tức là giếng trời).

Truyền thừa ở chùa Bửu Lâm

Năm 1803, chùa Bửu Lâm được thành lập, vị tổ đầu tiên của chùa là Thiền sư Từ Lâm.

Thiền sư Tiên – Từ Lâm tên tục là Phạm Văn Ư, sinh năm Canh Tý (1780) tại thôn Phú Hội, huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang)

Thiền sư Từ Lâm qui y thọ giáo với Hòa thượng Tổ Trí – Khánh Hưng ở chùa Hội Tôn (tỉnh Bến Tre) thuộc phái thiền Lâm Tế, đời thứ 37 truyền thừa theo dòng kệ của Tổ sư Đạo Mân – Hoàng Giác (hiệu Mộc Trần):

Đạo Bốn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên,
Minh Như Kiều Nhứt Lệ Trung Thiên,
Linh Nguyên Quảng Nhuận Từ Phong Thổ,
Chiếu Thế Chân Đẳng Vạn Cổ Huyền.

Năm 1830, trong lễ Đại Khánh chúc mừng vua Minh Mạng 40 tuổi ở chùa Thiên Mục (Kinh đô Huế). Thiền sư Từ Lâm được mời tham dự. Sau các lễ trai đàn, vua cho Bộ Lễ sát hạch các sư, lựa chọn được 50 vị có tài đức để ban giới đao và độ điệp, sư Từ Lâm được chọn. Năm 1841, Hòa thượng Từ Lâm được cử sang trụ trì chùa Sắc Tứ Linh Thứu (ở Xoài Hột, tỉnh Tiền Giang). Đến đầu niên đại Tự Đức (1848 – 1883) Hòa thượng Từ Lâm trở về trụ trì chùa Bửu Lâm cho đến khi viên tịch, vào giờ Tuất, ngày 19 tháng 5 năm Kỷ Mùi (1859), đồ chúng lập tháp thờ trong vườn phía sau chùa, trên bia có khắc “Sắc Tứ Linh Thứu – Bửu Lâm tự, thượng Từ hạ Lâm Đại lão Hòa thượng Tổ sư chi tháp”.

- Kế thế Hòa thượng Từ Lâm trụ trì chùa Bửu Lâm là đệ tử của ngài, thiền sư Minh Đạt – Huyền Dương.

Thiền sư Huyền Dương sanh vào giờ Ngọ, ngày mùng 8 tháng 4 năm Giáp Thân (1824), tịch vào giờ Thân, ngày mùng 6 tháng 7 năm Tân Tỵ (1881) thọ 58 tuổi, tháp được dựng trong vườn, cạnh tháp Hòa thượng Từ Lâm.

- Sau khi thiền sư Huyền Dương tịch, thiền sư Nhứt Bốn, húy Thông Nam lên thay trụ trì chùa Bửu Lâm.

Thiền sư Thông Nam sanh năm Ất Sửu (1825) về trụ trì chùa Bửu Lâm từ năm 1881 cho đến ngày viên tịch, vào giờ Mùi, ngày 21 tháng Giêng năm Canh Tý (1900) đồ chúng lập tháp thờ trong khuôn viên chùa, bên cạnh tháp hai vị trên.

- Thiền sư Như Lý, húy Tâm Nguyên, hiệu Thiên Trường, sanh năm Đinh Sửu (1877) lên thay trụ trì chùa Bửu Lâm từ năm 1900, năm Giáp Thìn (1904) chùa bị hư hoại sau cơn bão lớn, thiền sư Thiên Trường lo trùng tu lại chùa. Năm Kỷ Dậu (1909) Phật tử ở Xẻo Vẹt – Sa Đéc dâng cúng chùa Bửu Hưng cho Thiền sư Thiên Trường.

Thiền sư Thiên Trường thông đạt Phật giáo lại giỏi Nho học, thường tiếp xúc với giới trí thức tại chùa Bửu Lâm, thiền sư Thiên trường có đặt câu đối sau:

“Bửu Hòa Thiên Địa Tam Quang Chiếu
Lâm Thượng Trường xuân tứ chúng tôn”

Năm Ất Tỵ (1905) Hòa thượng Minh Khiêm – Hoàng An trụ trì chùa Giác Lâm và Giác Viên ở Gia Định (nay là thành phố Hồ Chí Minh) vân du hoằng hóa miền Tây, Hòa thượng ghé chùa Bửu Lâm, thiền sư Thiên Trường kính phục tài đức của Hòa thượng Hoàng An nên xin cầu pháp và được ban pháp danh là Như Lý. Thiền sư Thiên Trường thỉnh Hòa thượng ở lại chùa Bửu Lâm để giáo hóa tăng chúng tỉnh Định Tường, Bến Tre và các tỉnh miền Tây Nam kỳ. Sư Thiên trường lập am Giác Viên trong khuôn viên chùa để Hòa thượng Hoàng An an trụ. Hòa thượng ở am Viên Giác hoằng hóa mấy năm, sau đó lại xuống Châu Đốc dừng lại ở chùa Tây An, núi Sam để giáo hóa đồ chúng.

Năm Tân Hợi (1911) thiền sư Thiên Trường khai trường Kỳ, mở khóa An Cư Kiết Hạ cho chư tăng chùa Bửu Lâm.

Năm Quý Sửu (1913) Hòa thượng Hoàng An từ Châu Đốc về Mỹ Tho nhập thất tu thiền ở am Viên Giác trong vườn chùa Bửu Lâm cho đến khi viên tịch, vào giờ Thìn, ngày 24 tháng Giêng, năm Giáp Dần (1914).

Hòa thượng Hoàng An là bậc long tượng trong chốn thiền môn, nổi danh khắp Nam Kỳ, có rất nhiều đệ tử giỏi như thiền sư Như Nhân – Từ Phong (Hòa thượng Giác Hải), Như Hiển – Chí Thiên (Hòa thượng Phi Lai)... Đồ chúng rước Linh Cữu Hòa thượng Hoàng An về làm lễ tang và nhập tháp ở chùa Giác Lâm.

Hòa thượng Thiên Trường – Như Lý tiếp nối ngọn đèn pháp của Hòa thượng Hoàng An, hợp cùng các huynh đệ là thiền sư Như Nhân – Từ Phong, Như Hiển – Chí Thiên góp sức vào việc phúc hưng Phật Giáo ở Việt Nam.

Một số nhà cách mạng chống Pháp cũng thỉnh thoảng viếng thăm Hòa thượng Thiên Trường như cụ Phan Chu Trinh, cụ Tổng An (em ruột Phan Đình Phùng), cụ Nguyễn Sinh Huy (thân sinh Hồ Chủ Tịch).

Năm Kỷ Dậu (1969) Hòa thượng Thiên Trường – Như Ý viên tịch tại chùa Bửu Lâm thọ 93 tuổi, đồ chúng lập tháp thờ trong vườn chùa.

- Từ năm 1969 đến năm 1973, kế thế trụ trì chùa Bửu Lâm là Yết ma Thiên Căn, húy Nguyên Tịnh..
- Giáo thọ Chơn Minh trụ trì từ 1973 – 1976.
- Tỳ kheo ni Diệu Đạt trụ trì từ năm 1976 – 1979
- Hòa thượng Tịnh Tinh trụ trì từ năm 1979 – 1982
- Đại đức Lê Quảng trụ trì từ năm 1982 – 1984.
- Ngày 24 tháng 4 năm 1984, thượng tọa Huệ Thông về trụ trì chùa Bửu Lâm cho đến nay, Thượng tọa tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1945, bị bắt từ năm 1958 – 1964, sau đó tiếp tục hoạt động và tu hành, trụ trì các chùa Phước Lâm (1964 – 1967), chùa Tân An (1968 – 1974) và chùa Linh Phong (1975 – 1984). Từ năm 1985, Thượng tọa là Phó ban trị sự Tỉnh hội Phật Giáo Tiền Giang kiêm Trưởng ban tăng sự tỉnh.

Sau khi về trụ trì chùa Bửu Lâm trong suốt thời gian 1984 – 1989, thượng tọa Huệ Thông tập trung vào việc sửa chữa trang trí lại chùa. Năm 1987 tại đại hội kỳ II, thượng tọa được Đại hội tấn phong giáp phẩm Hòa thượng đến nay. Vốn có đầu óc mỹ thuật và có tinh thần bảo trì cổ vật nên Hòa thượng đã sưu tầm những hoành phi, liễn, đối... của những đền chùa xưa đưa về trang trí chùa Bửu Lâm hiện nay có rất nhiều bao lam, liễn đối, hoành phi cổ chạm trổ rất công phu và Mỹ Thuật, có thể nói, chùa Bửu Lâm là chùa hiện có nhiều cổ vật nhất trong số các chùa ở Tiền Giang như:

- Chánh điện có 5 bộ bao lam: 1 bộ chạm nổi rồng, 1 bộ chạm chim trĩ và hoa rất sắc sảo...
- Ba tấm hoành chữ Nho “Đại Hùng Bửu Điện”, “Tây Thiên Đại Thánh”, “Ta quốc chí tôn”, chạm nổi tứ linh (Long Lân Quy Phụng) hoặc Trĩ và hoa... rất mỹ thuật.
- Nhiều tấm liễn đối chạm trổ mỹ thuật, ý nghĩa sâu sắc.
- Ba bộ cửa ở phía sau chánh điện, đối diện với nhà Hậu Tổ cũng là những tác phẩm điêu khắc đẹp, chạm trổ công phu.

Hình:

- Chùa Tây An.
- Chùa Bửu Lâm (Tiền Giang)
- Nền chùa Châu Viên (1991), núi Cao Viên cao 327m
- Tháp Phật Ấn ở Hòn Một – Nha Trang.

IX. CHÙA TÂY AN.

Chùa tây An ở chân núi Sam cách thị xã Châu Đốc 5km.

Chùa được Tổng Đốc Doãn Uẩn xây dựng vào năm Đinh Mùi (1847), Sách Đại Nam Nhứt thống chí viết về chùa Tây An như sau: “Ở địa phận thôn Vĩnh Tế, huyện Tây Xuyên, nguyên Tổng đốc Muờn Lược tướng tủy tểnh Tử Doãn Uẩn kiến trúc năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) chùa đứng trên núi, mặt trước trông ra tểnh thành, phía sau dựng vào vòm núi, tiếng người vắng lặng, cổ thụ âm u, cũng là một thắng cảnh Thiền lâm vậy”.

Doãn Uẩn quê ở huyện Thư Trì, tỉnh Nam Định. Năm Mậu Tý (1828) Doãn Uẩn đậu Cử nhân, làm quan đến chức Hữu Thị lang Bộ Hình. Năm Quý Tị (1833), ông cùng với Nguyễn Công Trứ đánh dẹp cuộc nổi loạn của Nông Văn Vân ở Tuyên Quang. Năm Tân Sửu (1841), Doãn Uẩn được thăng chức Tham Tri, kiêm quyền Tổng Đốc Thanh Hóa.

Năm Quý Mão (1843) vua lại cử ông vào miền Nam làm Tuần Phủ tỉnh An Giang. Ông hết lòng lo lắng cho dân chúng ở vùng đất mới này, có công khai hoang lập ấp, mở mang, khai thác các vùng đất mới ở tỉnh An Giang và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năm Ất Tị (1845) nhờ có công dẹp giặc bảo vệ đất nước ông được thăng chức Tổng đốc AN – Hà.

Tổng đốc Doãn Uẩn là vị quan thanh liêm, cần mẫn có tài văn chương và giỏi võ, có công bình định biên giới phía Tây nên được triều đình ban tặng là “An Tây Muờn Lược tướng” và được vua phong tước Tuy Tĩnh tử.

Vào năm Đinh Mùi (1847), Tổng đốc Doãn Uẩn lập chùa ở núi Sam để giúp cho dân chúng ở vùng sát biên giới Cao Miên có nơi lễ Phật, cầu nguyện, đã đặt tên cho chùa là Tây An. Vị trụ trì chùa đầu tiên lúc đó có lẽ là Tăng cang Tiên Giác – Hải Tịnh hay Tế Giác – Quảng Châu ở Tổ đình Giác Lâm (Gia Định) kiêm nhiệm vì lúc đó, chính Kinh Lược chánh sử Nguyễn Tri Phương và Phó sử Phan Thanh Giản đại diện vua ở Lục Tỉnh Nam Kỳ có nhờ Tăng cang Hải Tịnh giúp đỡ trong việc ổn định tình hình của dân chúng ở vùng miền biên giới Việt – Miên như là vùng đất mới ở An Giang.

Trong thời gian đó có một đạo sĩ họ Đoàn sáng lập nên Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở miền Tây Nam Kỳ được dân chúng tôn gọi là Phật Thầy Tây An. Vào khoảng năm 1847, Đạo sĩ hành đạo cứu bệnh ở vùng Tòng Sơn (Lấp Vò) và cốc Ong Kiến (sau thành chùa Tây An cổ tự) bị triều đình triệu về ở chùa Tây An và bắt buộc ông phải chánh thức xuất gia thọ giới theo nghi lễ chánh thức của Phật Giáo. Vì vậy ông phải thọ giới Tỳ kheo với tăng cang Tiên Giác – Hải Tịnh được ban pháp danh là Minh Huyền, trở thành vị thiền sư thuộc thế hệ 38 của phái thiền Lâm Tế.

Thiền sư Minh Huyền – Pháp Tạng, sanh vào giờ Ngọ, ngày 15 tháng 8 năm Đinh Mão (1807) tại làng Tòng Sơn, huyện Vĩnh An, trấn vĩnh thanh (nay thuộc Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

Danh tiếng của Phật thầy truyền khắp miền Nam, ngài có nhiều đệ tử nổi danh như:

- Quán cơ Trần Văn Thành mà dân chúng miền Tây tôn gọi là “Đức Cố Quán”. Lập trại ruộng Láng Linh, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở vùng Bảy Thưa, trong đó có nhiều đệ tử của Bửu Sơn Kỳ Hương, gây nhiều khó khăn cho thực dân Pháp trong một thời gian dài, chánh quyền Pháp mất ăn mất ngủ, phải ra giá “thưởng 1.000 quan” cho ai giết được “Đạo Lành”
- Tăng chủ của Thiền sư họ Bùi cùng ông Đinh Tây (Bùi Văn Tây) ở trại ruộng Thới Sơn tại vùng núi Két (Châu Đốc)
- Đạo Lập hoàng hóa ở vùng Hà Tiên – Rạch Giá.
- Đạo Xuyên hoàng hóa ở vùng Bà Rịa
- Một đệ tử của Đạo Xuyên là Ông Thiện vẫn còn được dân chúng Bà Rịa hiện nay kính phục và có nhiều truyền thuyết rất đặc biệt về các hành động phi phàm của Ông Thiện.
- Đạo Ngoạn hoàng hóa ở Đồng Tháp Mười.

- Đạo Thắng, Đạo Sĩ, Đạo Chợ, Đạo Đọt... hoằng hóa ở miền Tây Nam Bộ. Phật Thầy và 12 đệ tử (Thập Nhị Hiền Thủ) có những thần thông đặc biệt và những hành động phi phàm nghe như truyền thuyết, nhưng có thật.

Vào giờ Ngọ, ngày 12 tháng 8 năm Bính Thìn (1856), Phật Thầy Tây An viên tịch ở chùa Tây An. Theo di chúc, mộ Phật Thầy được xây bằng phẳng, đơn giản ở khu vườn phía sau chùa.

Sư đệ của Thiền sư Minh Huyền – Pháp Tạng là thiền sư Minh Võ – Nhứt Thừa lên thay trụ trì chùa Tây An cho đến ngày viên tịch, đồ chúng lập tháp thờ bên hông chùa.

Năm 1893, đệ tử của thiền sư Nhứt Thừa là giáo thọ Như Nghĩa – Huệ Quang lên kế thế trụ trì chùa Tây An. Giáo thọ Huệ Quang sanh năm Giáp Dần (1854) và viên tịch vào ngày 19 tháng 7 năm Canh Tý (1900), đồ chúng lập tháp thờ bên cạnh chùa.

Sư đệ của Giáo thọ Huệ Quang là Như Đắc – Diệu Lý lên thay trụ trì. Từ năm 1900 đến khi viên tịch vào ngày mùng 10 tháng 2 năm Quý Mão (1903) thọ 38 tuổi. Sư Diệu Lý không có đệ tử nên Hòa thượng Nguyễn Thuần Hậu (chưa có pháp danh) thay thế trụ trì chùa Tây An từ năm 1903 đến năm 1911.

Năm 1911 – 1913 trụ trì là thủ tọa Ngô Văn Hòa (có phải chăng là Minh Hòa – Hoan Hỉ ?). Thủ tọa tu từ nhỏ, lên Sài Gòn học đạo (chưa rõ ở chùa nào, có lẽ là Giác Lâm).

Năm 1911, sư Như Mật – Bửu Thọ lên thay thế trụ trì chùa. Sư Như Mật – Bửu Thọ tên là Nguyễn Thế Mật, sanh năm Quý Tỵ (1893), là đệ tử của Hòa thượng Minh Khiêm – Hoàng An hay Liễu Khiêm – Chí Thành (1850 – 1914) ở Tổ đình Giác Lâm (Sài Gòn). Trong khoảng thời gian 1905 – 1914, Hòa thượng Hoàng An vân du về miền Tây hoằng hóa, có nhiều năm ngụ ở chùa Tây An để hỗ trợ cho việc phát triển Phật Giáo ở vùng An Giang – Hà Tiên, giáo hóa cho nhiều đệ tử ở các chùa ở miền Tây Nam Kỳ, nhiều vị sư ở miền Tây qui y thọ giới hoặc cầu pháp với Hòa thượng Hoàng An.

Sau khi Hòa thượng Minh Khiêm – Hoàng An viên tịch (năm 1914) sư Như Mật – Bửu Thọ thay thế thầy chăm lo việc hoằng dương chánh pháp ở địa phương. Năm 1915, sư lo trùng tu lại chùa Tây An. Chùa Tây An có hiện trạng như ngày nay là do công đức trong nhiều năm của Hòa thượng Bửu Thọ.

Ngày 21 tháng 11 năm Tân Hợi (ngày 5 tháng 1 năm 1972) Hòa thượng Như Mật – Bửu Thọ viên tịch tại chùa Tây An. Đồ chúng làm lễ tang rất trọng thể và xây tháp thờ trong vườn bên hông chùa, bia tháp ghi rất trang trọng: “Từ Lâm Tế Gia Phổ, Tam thập cửu thế, thượng Bửu hạ Thọ, húy Như Mật tánh Nguyễn Công, Đại lão Hòa thượng Tổ sư giác linh”. Hòa thượng có nhiều đệ tử thành danh ở nhiều chùa và kế thế trụ trì ở chùa Tây An.

Từ năm 1972 đến năm 1983 trụ trì là sư Hồng Hưng – Huệ Châu.

Từ năm 1983 đến năm 1989 Hòa thượng Thích Định Long, húy Hồng Trực (thế danh là Phạm Văn Trực).

Từ năm 1989 đến năm 1992 Hòa thượng Hồng Cung – Huệ Kính trụ trì chùa Tây An.

KIẾN TRÚC CHÙA TÂY AN.

Chùa Tây An ngày xưa cất theo kiểu chữ “Tam” như hầu hết các chùa xưa ở miền Nam, gồm ba dãy nhà ngang rộng nối liền nhau. Tuy nhiên, qua nhiều lần trùng tu, nhất là vào thời Hòa thượng Bửu Thọ, chùa được xây dựng thêm nhiều, với kiến trúc pha lẫn giữa Phật Giáo Việt Nam và Phật Giáo Ấn Độ xưa, cổng tam quan trước chùa ở giữa là tượng Bồ Tát Quan Thế Âm Thị Kính, hai bên là hai cổng vào trang nghiêm.

Mặt tiền chùa, ở giữa là tháp Phật cao hai tầng. Tầng trên là tượng Phật đứng giữa lầu cao mái tròn cong với đỉnh nhọn như các chùa tháp xưa ở Ấn Độ. Bốn cột tháp ở tầng dưới có các Hộ Pháp trấn giữ, phía trước tháp có hai con voi: một voi sáu ngà và một voi trắng (bạch tượng).

Chánh điện là dãy nhà rộng, hai tầng mái, hai bên là lầu chuông và lầu trống hình tứ giác, nhà cao khỏi nóc mái cong mỹ thuật. Đại hồng chung ở lầu chuông được chú tạo vào năm Tự Đức thứ 32 (1879). Mái chùa được lợp bằng loại ngói ống tròn lớn, trên đỉnh trang trí các tượng tứ linh (Long lân qui phụng) mỹ thuật.

Chánh điện thờ rất nhiều tượng Phật, Bồ Tát, La Hán, Bát Bộ Kim Cang và các tượng Ngọc Hoàng, Huỳnh Đế, Thần Nông... Đa số các tượng làm bằng gỗ, chạm trổ công phu và mỹ thuật, tiêu biểu cho nghệ thuật điêu khắc Việt Nam thế kỷ 19.

Tiếp theo chánh điện là nhà giảng và nhà khách.

Phía sau là nhà Tổ, thờ long vị chư tổ hoàng hóa ở chùa và có cặp câu đối đặc biệt sau:

“Tây Anchiêm Phật đức đạo hoàng chánh hóa phối Nghiêu Thiên.

Vĩnh Tế cầu thần tư nhân thuận địa linh ca Thuận Nhựt”

Chùa Tây An là một chùa xưa ở Châu Đốc, kiến trúc khác lạ hơn các chùa khác trong nước là một danh lam nổi tiếng. Chùa Tân An kết hợp với lăng Thoại Ngọc Hầu và miếu bà Chúa Xứ ở núi Sam là một thắng cảnh độc đáo của tỉnh An Giang.

X. CÁC NI CÔ HOÀNG HÓA Ở ĐÀNG TRONG.

Vào thời các chúa Nguyễn (1558 – 1802), có một số ít ni cô nổi danh được sách sử địa xưa kể đến như:

Ni cô Lượng tu trì ở núi Châu Thới

Ni cô Lê Thị Nữ tu ở núi Thị Vải.

Ni cô Tống thị Liên tu ở đảo Đại Kim thuộc trấn Hà Tiên.

Ni cô Vân Dương thuộc Hoàng tộc chúa Nguyễn đã giúp cho Nguyễn Vương Nguyễn Phước Anh rất nhiều.

Còn rất nhiều nữ tu sĩ Phật Giáo tu hành, hoàng hóa ở nhiều nơi khác, nhưng hiện chưa thu thập được đủ tài liệu.

1. NI CÔ LƯỢNG:

Ni sư Lượng lập am Vân Tĩnh ở trên gò cao, tiếp nối với núi Châu Thới, thuộc thôn Long Sơn, huyện Long Thành để tịnh tu.

Sách Đại Nam Nhứt Thống Chí trong mục “Sơn Xuyên” (sông núi) tỉnh Biên Hòa có ghi:

Núi Châu Thới ở phía Nam huyện Phước Chánh 21 dặm, từng núi cao tít làm bình phong phía Nam tỉnh thành (Biên Hòa), đồi núi khởi phục loanh quanh đến Khổng Tước Quan (Gò Công – Thủ Đức) mới hết. Khoảng giữa núi Châu Thới về hướng Bắc, thuộc thôn Long Sơn huyện Long Thành ở trên gò bằng có bờ cao đứng thẳng như vách, trên có am Vân Tĩnh, là nơi Ni sư Lượng tĩnh tu, di chỉ này vẫn còn.

Sách nhứt thống địa dư của Lê Quang Định có ghi: “Xưa có Ni cô tên là Lượng, lập am Vân Tĩnh, tuy đã hủy phế mà phong cảnh vẫn còn khả quan. Thuở trước có khách đến vịnh thơ rằng:

“ Sơ Lâm di phế tự

Hoang cảnh tỏa chinh trần

Bảo tháp qui ngu lộ

Liên trì ẩn mã tân

Hoa hàm chung cổ hận

Thảo trường vãng niên xuân

Mãn mục tùy linh lạc

U hoài nhập vận tân”

(Chùa hoang nơi rừng thưa

Cảnh hoang phủ bụi đầy
Ao sen nơi ngự uống
Bảo tháp gót trâu già
Hoa buồn mãi muôn thuở
Cỏ phủ bao năm qua
Trông thấy cảnh tiêu điều
Vần thơ tỏ u hoài)

Trong sách Gia Định Thành Thông chí, An Toàn hầu Trịnh Hoài Đức viết về Ni cô Lương như sau:

“Cách phía nam trấn 11,5 dặm, núi Châu Thới với các từng núi cao xanh cây cối lâu đời rậm tốt, làm tấm bình phong triều về trấn thành, hình núi nhấp nhô cao thấp, khuất khúc, chạy qua hướng Đông, giáp hạ lưu sông Đồng Nai (sông Phước Giang) rồi đến Gò Công thì đứt. Ở đoạn giữa núi Châu Thới, trở mặt về thôn Long Thành, trải ra một gò đất cao đứng thẳng như vách, sau lưng chỗ ấy là chỗ sư bà Lương tu hành, có lập am Vân Tinh (tục danh chùa Vải Lương), trông rất u nhã. Sau quân Tây Sơn hủy phá chùa Phật, nhưng nay nền cũ vẫn còn” (1)

2. NI CÔ HỌ TỐNG Ở HÀ TIÊN.

Ni cô Tống thị Lương là con một nhà giàu ở Hà Tiên thùy mị, siêng năng, giỏi nữ công, giàu nữ hạnh.

Khi đến tuổi 16, nhiều nhà giàu có quyền thế cậy người mai mối đến cầu hôn, nhưng tất cả đều bị từ chối. Cha mẹ trách cứ, cô thưa: “Nhân duyên của con phải chờ đức Phật chỉ giáo”

Tương truyền: một hôm, có một vị sư lạ vào nhà cô thuyết giảng Phật pháp, người nhà cho gì nhà sư cũng không lấy mà chỉ nâng nặc đòi xin chiếc áo lót đang phơi ngoài sân, áo ấy lại là của cô. Cha mẹ cô thấy việc bất nhã như thế nên la mắng, xua đuổi. Cô chạy ra khuyên can cha mẹ, vị sư chỉ mỉm một nụ cười rồi đi thẳng. Sau khi nhà sư đi khỏi, lúc nào cô cũng thấy hình như có đức Phật hiện bên mình, nên xin cha mẹ cho thể phát đi tu. Cha mẹ khuyên nhủ hết lời mà cô vẫn khẳng khăng một mực, nên về sau cũng đành phải chiều theo ý cô, cho lập am tranh Quan Âm ở bên trái núi Đại Kim cho cô tụng niệm tu hành.

Cô thêu một bức hình Bồ Tát Quan Âm rất lớn, cứ mỗi mũi kim lại niệm Phật một câu, suốt ba tháng mới xong. Bức tranh treo lên trông rất sống động như vị Phật sống, để thờ trong am (2)

(1) Gia Định Thành Thông chí, quyển thượng, trang 14.

(2) Đại Nam Liệt truyện tiền biên, quyển 6.

Am Quan Âm của Ni cô Tống thị Lương ở núi Đại Kim nằm trên đảo Đại Kim. Đảo Đại Kim nằm ở phía Nam trấn, chu vi 193 lượng 5 thước. Đảo này ngăn đón sóng cồn, làm hạt ngọc biển của trấn. Nơi bờ có bắc cái cầu ván để thông ra vào, phía sau có viện Quan Âm, phía Tả có điều đình, người du ngoạn thường khi trăng thanh gió mát đến đây thả câu ngâm vịnh thong dong. Đây là cảnh Kim dự lan đào (Đảo kim ngăn sóng) trong 10 cảnh đẹp của trấn Hà Tiên.

3. NI CÔ VÂN DƯƠNG Ở THUẬN HÓA.

Ni cô Vân Dương, tức Công chúa Ngọc Huyền, con của chúa Võ Vương Nguyễn Phước Khoát (1748 – 1765) và bà tả cung tần họ Tống. Công chúa Ngọc Huyền kết duyên với Tiết chế chưởng dinh Nguyễn Cửu Thống. Tiết chế Nguyễn Cửu Thống tử trận trong cuộc chiến năm Giáp Ngọ (1774) khi quân chúa Trịnh đánh chiếm Đàng Trong.

Sau khi chúa Nguyễn Phước Thuần cùng Công tôn Nguyễn Phước Anh phải bỏ Đô thành Phú Xuân chạy vào Gia Định, Công chúa Ngọc Huyền ở lại Vân Dương thuộc huyện Hương Thủy, sau thế phát qui y, hiệu là Vân Dương, nhưng hiện chưa biết qui y với vị sư nào.

Năm 1786 Tây Sơn chiếm thành Phú Xuân. Năm Tân Hợi (1791), Ni cô Vân Dương mật sai thuộc hạ tên Thiên theo thuyền buôn vào Gia Định báo cáo tình hình của quân Tây Sơn ở Thuận Hóa, đồng thời gửi kèm theo “Khúc ca Hoài Nam” của Hồng Quang để khuyến khích tinh thần quân sĩ Nguyễn Vương (Nguyễn Phước Anh).

Nguyễn Vương cũng thường sai người ra Thuận Hóa thám thính tình hình Tây Sơn, đều ngụ tại nhà Ni cô Vân Dương.

Sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long lại càng kính quý Ni cô Vân Dương, thường đến thăm viếng và ban thưởng rất hậu và cho dựng lầu đài để Ni cô ở, có cả đội binh theo hầu cận.

Đến năm Gia Long thứ 8 (1809), Ni cô Vân Dương mất, thọ 72 tuổi, vua sai quan đến lo lễ an táng, chôn tại địa phận làng Dương Xuân, lấy lầu đài cũ làm nhà thờ, cho con cháu Ân chức Bá hộ để giữ việc hương khói, mỗi ngày kỵ lễ vua cấp cho 300 quan tiền. (1)

(1) Đại Nam Liệt Truyện Tiên Biên, quyển 2.